VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018;

2. Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023;

3. Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa[1].

---

[1] Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm."

Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển."

Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là đơn vị đăng kiểm).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng kiểm phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là lãnh đạo đơn vị) bao gồm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị đăng kiểm hoặc là người được giao phụ trách công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là Đăng kiểm viên) là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định, được công nhận là Đăng kiểm viên để thực hiện hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Đăng kiểm viên bao gồm Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra và Đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế.

3. Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra là Đăng kiểm viên thực hiện đăng kiểm vỏ tàu tại hiện trường (sau đây gọi là Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu) hoặc Đăng kiểm viên thực hiện đăng kiểm máy và điện tàu tại hiện trường (sau đây gọi là Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu).

Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra bao gồm 3 hạng: Hạng I, hạng II và hạng III.

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.”

4.[2] Đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế (sau đây gọi là đăng kiểm viên thẩm định thiết kế) là đăng kiểm viên thực hiện thẩm định các loại hồ sơ thiết kế được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia nhằm phục vụ cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu và khai thác phương tiện thủy nội địa và thực hiện thẩm định tài liệu hướng dẫn.

5. Nhân viên nghiệp vụ đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là nhân viên nghiệp vụ) là người thực hiện việc tiếp nhận công việc, lưu trữ, cấp phát hồ sơ, ấn chỉ dùng trong công tác đăng kiểm và thực hiện các công việc khác phục vụ cho hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Chương II
TIÊU CHUẨN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ

Điều 4. Tiêu chuẩn của nhân viên nghiệp vụ

1.[3] Tốt nghiệp trung cấp trở lên.

2. Hoàn thành chương trình tập huấn nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Điều 5. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III[4]

1. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III theo quy định tại điểm 1.2 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

3. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tối thiểu 12 (mười hai) tháng tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III theo quy định tại điểm 2.2 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

5. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III trước khi công nhận lần đầu.

Điều 6. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II[5]

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II theo quy định tại điểm 1.3 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III có tổng thời gian giữ hạng đủ 12 (mười hai) tháng.

4. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

5. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II theo quy định tại điểm 2.2 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II trước khi công nhận lần đầu.

Điều 7. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I[6]

1. Là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II có tổng thời gian giữ hạng đủ 24 tháng.

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I theo quy định tại điểm 1.4 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I theo quy định tại điểm 2.2 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I trước khi công nhận lần đầu.

Điều 8. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thẩm định thiết kế[7]

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định tại điểm 1.5 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đã thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế tối thiểu 06 (sáu) tháng đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định tại điểm 2.3 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa trước khi công nhận lần đầu.

Điều 9. Tiêu chuẩn lãnh đạo đơn vị đăng kiểm[8]

1. Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

---

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

2. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng I, hạng II phải có trình độ đại học trở lên; là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hoặc đăng kiểm viên tàu biển.

3. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng III phải có trình độ cao đẳng trở lên; là đăng kiểm viên phương tiện thuỷ nội địa hoặc đăng kiểm viên tàu biển.

Chương III
NHIỆM VỤ CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Điều 10. Nhiệm vụ của nhân viên nghiệp vụ

Nhân viên nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị:

1. Tiếp nhận yêu cầu công việc.

2. Cấp phát hồ sơ đăng kiểm phương tiện.

3. Ghi hồ sơ, sổ quản lý phục vụ công tác đăng kiểm.

4. Thống kê, báo cáo.

5. Tiếp nhận, quản lý, lưu trữ hồ sơ, ấn chỉ phục vụ công tác đăng kiểm.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

Điều 11. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III[9]

1. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra lần đầu, chu kỳ, bất thường, hoán cải phương tiện;

b) Sao và thẩm định mẫu định hình;

c) Lập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng kiểm tra;

d) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng III;

đ) Kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp sử dụng trong đóng mới, hoán cải, lắp đặt trên phương tiện;

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

e) Giám định trạng thái kỹ thuật, tham gia điều tra tai nạn đối với phương tiện thủy nội địa trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

g) Kiểm tra năng lực kỹ thuật của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa theo quy định;

h) Tính giá dịch vụ, lệ phí đăng kiểm cho đối tượng kiểm tra theo quy định;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

2. Phạm vi thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này theo chuyên ngành đào tạo đối với phương tiện thủy nội địa có tổng dung tích dưới 500 GT, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 300 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ tàu cấp VR-SB, tàu nhiều thân, tàu chở công te nơ, tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng nguy hiểm);

b) Trường hợp đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 tại Mục III Phụ lục I hoặc là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được tập huấn, thực tập nghiệp vụ với hạng mục tương ứng, đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được thực hiện kiểm tra chu kỳ, bất thường theo chuyên ngành đào tạo bổ sung đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản này.

Điều 12. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II[10]

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên hạng III và hạng II;

c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng II;

d) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên hạng III và hạng II.

---

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

2. Phạm vi thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này theo chuyên ngành đào tạo đối với các loại phương tiện thủy nội địa (trừ tàu dầu có tổng dung tích từ 3000 GT trở lên, tàu hàng cấp VR-SB có tổng dung tích từ 3000 GT trở lên hoặc tàu khách cấp VR-SB có sức chở từ 100 người trở lên, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng nguy hiểm);

b) Trường hợp đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 tại Mục III Phụ lục I hoặc là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được tập huấn, thực tập nghiệp vụ với hạng mục tương ứng, đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được thực hiện kiểm tra chu kỳ, bất thường theo chuyên ngành đào tạo bổ sung đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản này.

Điều 13. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I[11]

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư này;

b) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên hạng I;

c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng I;

d) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên hạng I.

2. Phạm vi thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này theo chuyên ngành đào tạo đối với tất cả các loại phương tiện thủy nội địa;

b) Trường hợp đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 tại Mục III Phụ lục I hoặc là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được tập huấn, thực tập nghiệp vụ với hạng mục tương ứng, đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được thực hiện kiểm tra chu kỳ, bất thường theo chuyên ngành đào tạo bổ sung đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản này.

---

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Điều 14. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế[12]

1. Nhiệm vụ

a) Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn quy định tại Điều 3 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa);

b) Lập hồ sơ liên quan đến việc thẩm định thiết kế;

c) Tính giá dịch vụ, lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định;

d) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế;

đ) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế.

2. Phạm vi thực hiện: theo nội dung thực tập và đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.

Điều 15. Nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị

1. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát công tác đăng kiểm của đơn vị đăng kiểm đảm bảo đúng quy định.

2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương IV
QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của nhân viên nghiệp vụ

1. Quyền hạn

---

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

a)[13] Từ chối cấp hồ sơ đăng kiểm, hồ sơ thẩm định thiết kế khi tổ chức, cá nhân không nộp giá dịch vụ và lệ phí đăng kiểm theo quy định;

b) Bảo lưu và báo cáo cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến của mình khác với ý kiến của lãnh đạo đơn vị.

2. Trách nhiệm

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra

1. Quyền hạn

a) Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp cung cấp hồ sơ kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện công tác kiểm tra kỹ thuật, đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường;

b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo đơn vị về kết luận đánh giá trạng thái kỹ thuật của phương tiện, sản phẩm công nghiệp;

c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định;

d) Từ chối thực hiện nhiệm vụ nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của Đăng kiểm viên hoặc khi nhận thấy các điều kiện để thực hiện công tác kiểm tra kỹ thuật, an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện công tác đăng kiểm khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

---

[13] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Điều 18. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

1. Quyền hạn

a) Yêu cầu đơn vị thiết kế cung cấp hồ sơ kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ;

b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên ý kiến khác với quyết định của thủ trưởng đơn vị về kết luận đánh giá thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp;

c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi thiết lập hồ sơ thẩm định thiết kế cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định hiện hành;

d) Từ chối thẩm định thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của đăng kiểm viên.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện thẩm định thiết kế khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 19. Quyền hạn, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị

1.[14] Được ký hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ đăng kiểm theo quy định.

2. Hủy bỏ kết luận của Đăng kiểm viên khi xét thấy kết luận đó chưa đúng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và trước pháp luật về hoạt động của đơn vị đăng kiểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương V
TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM, CÔNG NHẬN VÀ ĐÌNH CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Điều 20. Tập huấn và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm

---

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

1. Chương trình tập huấn nghiệp vụ và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm thực hiện theo quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục I của Thông tư này.

2. Nhân viên nghiệp vụ, Đăng kiểm viên sau khi hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ được cấp giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

Điều 21. Thẩm quyền công nhận đăng kiểm viên, thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên[15]

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên và thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 22. Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên

1. Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên có chức năng tham mưu cho Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận Đăng kiểm viên.

2.[16] Thành phần hội đồng gồm: Đại diện lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam là Chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng và các ủy viên.

3. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định thành lập và quy định cụ thể quy chế làm việc của Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị công nhận đăng kiểm viên[17]

1. Hồ sơ công nhận đăng kiểm viên lần đầu

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

---

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính các văn bằng chứng chỉ chuyên môn;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ công nhận lại đăng kiểm viên

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính) nếu có thay đổi so với Hồ sơ công nhận đăng kiểm viên lần đầu.

3. Hồ sơ công nhận nâng hạng đăng kiểm viên

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính các văn bằng chứng chỉ chuyên môn nếu có thay đổi so với Hồ sơ công nhận đăng kiểm viên lần đầu;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 24. Công nhận đăng kiểm viên lần đầu[18]

1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận,

---

[18] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên và đơn vị đăng kiểm phải hoàn thành biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa có thời hạn 05 (năm) năm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày kiểm tra không đạt. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Kết quả công nhận đăng kiểm viên được trả cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 25. Công nhận lại đăng kiểm viên[19]

1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên đã hết hiệu lực nhưng tối đa không quá 12 (mười hai) tháng, thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận lại đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên với thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 24 của Thông tư này. Trường hợp Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên đã hết hiệu lực quá 12 (mười hai) tháng, thủ tục công nhận lại thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 của Thông tư này.

3. Trường hợp công nhận lại cho đăng kiểm viên đề nghị bổ sung phạm vi và loại hình kiểm tra nhưng không thay đổi hạng đăng kiểm viên hoặc đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận, thủ tục công nhận lại thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 của Thông tư này.

4. Kết quả công nhận lại đăng kiểm viên được trả cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 26. Công nhận nâng hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra[20]

1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận,

---

[19] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[20] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục nâng hạng đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 của Thông tư này.

Điều 27. Công nhận đăng kiểm viên trong trường hợp đặc biệt[21]

1. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo quy định của pháp luật và còn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển hoặc đăng kiểm viên của tổ chức đăng kiểm quốc tế là thành viên của Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS), sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được công nhận là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa với các hạng mục tương ứng với Phụ lục của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển thực hiện công tác kiểm tra tàu (đăng kiểm viên tàu biển bậc cao được công nhận tương ứng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng I, đăng kiểm viên tàu biển được công nhận tương ứng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng II); sau thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II, nếu được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I và được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đạt yêu cầu sẽ được công nhận nâng hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I.

2. Người đã có từ 01 (một) đến 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển và có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 06 (sáu) tháng, sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.

3. Người đã có trên 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển và có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 03 (ba) tháng, sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.

---

[21] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

4. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận thực hiện công tác thẩm định thiết kế tàu biển theo quy định của pháp luật và còn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, sau khi được tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa với nhiệm vụ, phạm vi thực hiện tương ứng.

5. Người có thời gian thực hiện nhiệm vụ thiết kế tàu thủy tại các đơn vị thiết kế tàu thủy tối thiểu 02 (hai) năm hoặc đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra, đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Thông tư này, sau khi được tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa, có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 03 (ba) tháng, sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.

6. Hồ sơ và thủ tục đề nghị công nhận đăng kiểm viên

a) Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên nêu tại các khoản 1, khoản 4 Điều này: Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này để đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên;

b) Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên nêu tại các khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này: Hồ sơ đề nghị công nhận đăng kiểm viên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Thủ tục công nhận đăng kiểm viên thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

Điều 28. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên[22]

Trường hợp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trường hợp không cấp lại có văn bản nêu rõ lý do. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên được cấp lại bằng thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên bị mất, bị hư hỏng.

---

[22] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Điều 29. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên[23]

Đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong các trường hợp sau:

1. Làm sai lệch kết quả đăng kiểm phương tiện hoặc không tuân thủ đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện mà gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến an toàn phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.

2. Làm giả các hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

3. Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án do vi phạm các quy định liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

4. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[24]

---

[23] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[24] Điều 10 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

*"**Điều 10. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023 quy định như sau:

"***Điều 3. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 9 năm 2023.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024 quy định như sau:

Điều 30. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Lập kế hoạch, chương trình, ban hành tài liệu tập huấn nghiệp vụ, tổ chức tập huấn nghiệp vụ; tổ chức kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên và cấp Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm các quy định của Thông tư này tại các đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trên phạm vi toàn quốc.

"***Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp***

1. Đăng kiểm viên có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng III cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên mà không cần phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, cụ thể như sau:

a) Đối với đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra theo phạm vi tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đối tượng và loại hình kiểm tra tại Phụ lục Giấy chứng nhận;

b) Đối với đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra theo phạm vi tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT được thực hiện nhiệm vụ cho đối tượng và loại hình kiểm tra tại Phụ lục Giấy chứng nhận theo phạm vi thực hiện tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư này.

2. Đăng kiểm viên có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng II cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên cho đối tượng và loại hình kiểm tra tại Phụ lục Giấy chứng nhận theo phạm vi thực hiện tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư này mà không cần phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

3. Đăng kiểm viên có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng I cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

4. Đăng kiểm viên có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa thực hiện công tác thẩm định thiết kế cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

5. Đăng kiểm viên đã thực tập trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu đủ thời gian thực tập, đủ hạng mục quy định tại Thông tư này và đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tương ứng theo quy định tại Thông tư này.

6. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng III, đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III theo quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT phải đáp ứng các tiêu chuẩn của lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng III, đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện quy định của Thông tư này tại các đơn vị đăng kiểm của địa phương quản lý.

Điều 31a. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm[25]

1. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho đăng kiểm viên tại đơn vị phù hợp với năng lực được nêu trên Giấy chứng nhận đăng kiểm viên và phù hợp với thẩm quyền, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Đảm bảo về nguồn nhân lực phục vụ công tác đăng kiểm tại đơn vị theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm về các nội dung trong báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị thuộc đơn vị mình theo quy định tại Thông tư này.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn chức trách và nhiệm vụ của Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa; bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 34/2011/TT-BGTVT ngày 26/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 và Tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1.[26] Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức rà soát đăng kiểm viên đang giữ hạng theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, đã thực hiện kiểm tra phương tiện theo quy định tại Điều 11 của Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT, để công nhận đăng kiểm viên theo các hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra được quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT như sau:

---

[25] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

[26] Khoản này được sửa đổi theo quy định tai khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

a) Các đăng kiểm viên đã được công nhận theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, đã thực hiện kiểm tra phương tiện tương đương với cỡ loại phương tiện thuộc phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT, sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra tương ứng hạng II của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT; đã thực hiện kiểm tra phương tiện tương đương với cỡ loại phương tiện thuộc phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT, sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra tương ứng hạng I của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT. Đăng kiểm viên các hạng được công nhận theo quy định tại khoản này được miễn các yêu cầu quy định tại khoản 3, 5 Điều 6 hoặc khoản 3, 5 Điều 7 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT.

b) Các đăng kiểm viên đã được công nhận theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, trên 50 tuổi từ ngày 01/10/2018, tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành về vỏ, máy tàu thủy sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I, II tương ứng của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT và được miễn yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT.

c) Các đăng kiểm viên trên 50 tuổi hiện đang là đăng kiểm viên hạng I, II và đăng kiểm viên thẩm định thiết kế từ ngày 01/10/2018, được miễn chứng chỉ ngoại ngữ khi xem xét chuyển tiếp.

d) Việc rà soát, công nhận phải hoàn thành trước ngày 31/12/2019.

2. Lãnh đạo đơn vị, nhân viên nghiệp vụ đang làm việc tại các đơn vị đăng kiểm phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 07/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC I[1]
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ, THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ VÀ ĐĂNG KIỂM VIÊN

1.1 Đối với nhân viên nghiệp vụ

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam, đạo đức nghề nghiệp, quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ; yêu cầu về hồ sơ kiểm định; quản lý hồ sơ, báo cáo, truyền số liệu kiểm định;

c) Hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý có liên quan.

1.2 Đối với đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của đăng kiểm viên hạng III;

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu hoặc máy tàu theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này;

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

1.3 Đối với đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

---

[1] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của đăng kiểm viên hạng II;

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và hướng dẫn thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu hoặc máy tàu theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II được quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư này;

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

1.4 Đối với đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của đăng kiểm viên hạng I;

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và hướng dẫn thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu hoặc máy tàu theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng I được quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư này;

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

1.5 Đối với đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

c) Hướng dẫn thẩm định thiết kế trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phương tiện và chế tạo sản phẩm công nghiệp theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm và các hướng dẫn nghiệp vụ có liên quan;

d) Hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI ĐĂNG KIỂM VIÊN

2.1 Nguyên tắc chung

2.1.1 Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm phân công đăng kiểm viên hướng dẫn đăng kiểm viên thực tập theo nội dung quy định tại Phụ lục này. Đăng kiểm viên đã thực tập đối với loại phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa (Mã số đăng ký: QCVN 72:2013/BGTVT và các sửa đổi) thì không cần phải thực tập đối với loại phương tiện tương ứng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm giám sát kỹ thuật và đóng phương tiện thủy nội địa cỡ nhỏ (Mã số đăng ký: QCVN 25:2015/BGTVT).

2.1.2 Đăng kiểm viên hoàn thành thực tập hạng mục nào và đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được cấp Giấy chứng nhận theo hạng mục đó trong phạm vi thực hiện.

2.2 Thực tập nghiệp vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra

2.2.1 Thực tập nghiệp vụ kiểm tra đóng mới phương tiện thủy nội địa

Đăng kiểm viên thực tập đầy đủ hạng mục theo chuyên ngành trong đóng mới theo chương trình tập huấn, phạm vi thực hiện của từng hạng đăng kiểm viên quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Thông tư này. Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Thực hành có hướng dẫn của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) phương tiện;

- Thực hành độc lập có sự chứng kiến của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) phương tiện.

a) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng III kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra phóng dạng (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
2	Kiểm tra vật liệu
3	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu

TT	Hạng mục thực tập
4	Kiểm tra hàn thân tàu
5	Kiểm tra thử thủy lực, thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông, kiểm tra không phá hủy
6	Kiểm tra trước khi hạ thủy: đo các kích thước chính của tàu, kẻ đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
7	Kiểm tra trang thiết bị
8	Thử tại bến (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
9	Giám sát thử nghiêng lệch, xác nhận báo cáo thử nghiêng, xác định trọng lượng tàu không
10	Thử đường dài
11	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu
	Tàu khách (thực tập bổ sung)
12	Kiểm tra kết cấu chống cháy
13	Kiểm tra trang thiết bị an toàn

b) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng II kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II được quy định tại khoản 2 Điều 12 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
1	Kiểm tra phóng dạng
2	Kiểm tra vật liệu
3	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
4	Kiểm tra hàn thân tàu
5	Kiểm tra thử thủy lực, thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông, kiểm tra không phá hủy
6	Kiểm tra trước khi hạ thủy: đo các kích thước chính của tàu, kẻ đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
7	Kiểm tra trang thiết bị
8	Thử tại bến
9	Giám sát thử nghiêng lệch, xác nhận báo cáo thử nghiêng, xác định trọng lượng tàu không
10	Thử đường dài
11	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu
	Tàu khách (thực tập bổ sung)
12	Kiểm tra kết cấu chống cháy
13	Kiểm tra trang thiết bị an toàn

Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng II có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu dầu thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
2	Hệ thống thông hơi két hàng (các ống thông hơi trên boong cao nhất, các van thở)
3	Kiểm tra kết cấu chống cháy
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Bố trí và trang bị cho tàu (cứu sinh, trang bị cá nhân, thiết bị thở,...)

c) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng I được quy định tại khoản 2 Điều 13 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
1	Kiểm tra phóng dạng
2	Kiểm tra vật liệu

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
3	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
4	Kiểm tra hàn thân tàu
5	Kiểm tra thử thủy lực, thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông, kiểm tra không phá hủy
6	Kiểm tra trước khi hạ thủy: đo các kích thước chính của tàu, kẻ đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
7	Kiểm tra trang thiết bị
8	Thử tại bến
9	Giám sát thử nghiêng lệch, xác nhận báo cáo thử nghiêng, xác định trọng lượng tàu không
10	Thử đường dài
11	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu
	Tàu khách (thực tập bổ sung)
12	Kiểm tra kết cấu chống cháy
13	Kiểm tra trang thiết bị an toàn

Các hạng mục thực tập vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu dầu thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
2	Hệ thống thông hơi két hàng (các ống thông hơi trên boong cao nhất, các van thở)
3	Kiểm tra kết cấu chống cháy
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Bố trí và trang bị cho tàu (cứu sinh, trang bị cá nhân, thiết bị thở,...)

Các hạng mục thực tập vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu chở hóa chất thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra kết cấu/vật liệu đặc biệt
2	Kiểm tra hệ thống thông hơi két hàng (các ống thông hơi trên boong cao nhất, các van thở)
3	Kiểm tra kết cấu chống cháy
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Trang bị cho tàu (bảo hộ cá nhân, thiết bị thở, tắm, rửa mắt,…)

Các hạng mục thực tập vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu chở khí hóa lỏng thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra kết cấu đặc biệt (cấu trúc đỡ két hàng, bố trí làm kín boong thời tiết tại vị trí lỗ mở cho két hàng)
2	Kiểm tra kết cấu két hàng
3	Bố trí và trang bị cho tàu (bảo hộ cá nhân, thiết bị thở, tắm, rửa mắt,…)
4	Kiểm tra hệ thống và trang bị dập cháy trên tàu

Lưu ý: các hạng mục thực tập tương tự đối với tàu dầu, tàu chở hóa chất và tàu chở khí hóa lỏng có thể được công nhận lẫn nhau.

d) Các hạng mục thực tập phần máy tàu và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng III kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra hồ sơ, chứng chỉ của hệ thống máy tàu được quy định ở Phần 3 Mục II của QCVN 72:2013/BGTVT và các sửa đổi (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
2	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt

TT	Hạng mục thực tập
3	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
4	Thử thủy lực, thử kín hệ thống đường ống sau khi đã lắp đặt trên tàu
5	Thử hoạt động các bơm trên tàu
6	Kiểm tra, thử máy lái
7	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
8	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
9	Thử đường dài phần máy tàu (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
10	Kiểm tra thiết bị điện
11	Thử máy phát điện, thử các bảng điện, hệ thống điện sự cố
12	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu, vô tuyến điện và các thiết bị tín hiệu

đ) Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng II kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II được quy định tại khoản 2 Điều 12 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
1	Kiểm tra hồ sơ, chứng chỉ của hệ thống máy tàu được quy định ở Phần 3 Mục II của QCVN 72:2013/BGTVT và các sửa đổi
2	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt
3	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
4	Bố trí đường ống (vật liệu sử dụng, liên kết hàn, thử không phá hủy, thử áp lực thủy tĩnh, thử rò rỉ)
5	Kiểm tra nồi hơi (lắp đặt, thử hoạt động, van an toàn, hệ thống kiểm soát đốt)
6	Kiểm tra bình khí nén và máy nén khí (lắp ráp, thử thủy tĩnh và thử hoạt động)
7	Thử hoạt động các bơm trên tàu
8	Thử hút khô

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
9	Kiểm tra, thử máy lái
10	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
11	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
12	Thử đường dài phần máy tàu (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
13	Kiểm tra thiết bị điện
14	Thử máy phát điện, thử các bảng điện, hệ thống điện sự cố
15	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu và các thiết bị tín hiệu

Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng II muốn được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu dầu thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Bố trí đường ống dầu hàng (lắp đặt đường ống dầu hàng)
2	Kiểm tra buồng bơm hàng (lắp đặt bơm hàng, bố trí làm kín trục bơm xuyên vách, thử chức năng thiết bị an toàn)
3	Kiểm tra hệ thống thông hơi két hàng (ống thông hơi và van thở trên boong)
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Trang bị điện trong khu vực nguy hiểm

e) Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng I được quy định tại khoản 2 Điều 13 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
1	Kiểm tra hồ sơ, chứng chỉ của hệ thống máy tàu được quy định ở Phần 3 Mục II của QCVN 72:2013/BGTVT và các sửa đổi

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
2	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt
3	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
4	Bố trí đường ống (vật liệu sử dụng, liên kết hàn, thử không phá hủy, thử áp lực thủy tĩnh, thử rò rỉ)
5	Kiểm tra nồi hơi (lắp ráp, thử hoạt động, van an toàn, hệ thống kiểm soát đốt)
6	Kiểm tra bình khí nén và máy nén khí (lắp ráp, thử thủy tĩnh và thử hoạt động)
7	Thử hoạt động các bơm trên tàu
8	Thử hút khô
9	Kiểm tra, thử máy lái
10	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
11	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
12	Thử đường dài phần máy tàu (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
13	Kiểm tra thiết bị điện
14	Thử máy phát điện, thử các bảng điện, hệ thống điện sự cố
15	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu và các thiết bị tín hiệu

Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu dầu thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Bố trí đường ống dầu hàng (lắp đặt đường ống dầu hàng)
2	Kiểm tra buồng bơm hàng (lắp đặt bơm hàng, bố trí làm kín trục bơm xuyên vách, thử chức năng thiết bị an toàn)
3	Kiểm tra hệ thống thông hơi két hàng (ống thông hơi và van thở trên boong)
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Trang bị điện trong khu vực nguy hiểm

Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu chở hóa chất thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Bố trí đường ống hàng (lắp đặt đường ống hàng)
2	Bơm hàng, bơm dằn, buồng bơm (lắp đặt bơm hàng, bố trí làm kín trục bơm xuyên vách, thử chức năng thiết bị an toàn)
3	Kiểm tra hệ thống thông hơi két hàng (ống thông hơi và van thở trên boong cao nhất)
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Kiểm soát môi trường (hệ thống khí trơ, cách ly, đệm,...)
6	Kiểm tra hệ thống thông gió cưỡng bức ở khu vực hàng
7	Kiểm tra hệ thống rửa, thu hồi, hút vét và xả thải hàng lỏng
8	Trang bị điện trong khu vực nguy hiểm

Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu chở khí (được điều áp) và tàu chở khí (nhiệt độ thấp) thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

Tàu chở khí (được điều áp)

TT	Hạng mục thực tập
1	Bố trí đường ống hàng (lắp đặt đường ống hàng)
2	Bơm hàng, máy nén hàng, buồng bơm (lắp đặt bơm hàng, máy nén, bố trí làm kín trục bơm xuyên vách, thử chức năng thiết bị an toàn)
3	Kiểm tra hệ thống thông gió trong không gian hầm hàng
4	Kiểm tra thiết bị kiểm soát và chỉ báo (thiết bị chỉ báo mức, đo áp suất chỉ báo nhiệt độ,…) cho két hàng
5	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu chở khí được điều áp
6	Trang bị cho tàu chở khí (bảo hộ cá nhân, thiết bị thở, tắm, rửa mắt,...)
7	Trang bị điện trong khu vực nguy hiểm

Tàu chở khí (nhiệt độ thấp)

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra hệ thống kiểm soát hàng (kiểm soát áp suất/nhiệt độ hàng)
2	Kiểm soát môi trường (hệ thống khí trơ)
3	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu (nhiệt độ thấp)

Lưu ý: Các hạng mục thực tập tương tự đối với tàu dầu, tàu chở hóa chất và tàu chở khí có thể được công nhận lẫn nhau.

2.2.2 Thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác

Đăng kiểm viên thực tập đầy đủ hạng mục theo chuyên ngành các loại hình kiểm tra của phương tiện thủy nội địa đang khai thác theo chương trình tập huấn, phạm vi thực hiện của từng hạng đăng kiểm viên quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Thông tư này. Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Thực hành có hướng dẫn của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) phương tiện;

- Thực hành độc lập có sự chứng kiến của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) phương tiện.

a) Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của đăng kiểm viên hạng III kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị
2	Kiểm tra định kỳ thân tàu và trang thiết bị (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
3	Kiểm tra trên đà thân tàu và trang thiết bị
4	Kiểm tra hàng năm thân tàu và trang thiết bị
5	Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu, điện tàu
6	Kiểm tra định kỳ máy tàu và trang thiết bị máy tàu, điện tàu (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
7	Kiểm tra hàng năm hệ thống máy tàu, điện tàu
8	Kiểm tra bất thường (kiểm tra tai nạn, hư hỏng thân tàu, máy tàu,…)

b) Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của đăng kiểm viên hạng II kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II được quy định tại khoản 2 Điều 12 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III) của Thông tư này; hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của đăng kiểm viên hạng I theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng I được quy định tại khoản 2 Điều 13 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị
2	Kiểm tra định kỳ thân tàu và trang thiết bị
3	Kiểm tra trên đà, trung gian thân tàu và trang thiết bị
4	Kiểm tra hàng năm thân tàu và trang thiết bị
5	Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu, điện tàu
6	Kiểm tra định kỳ máy tàu và trang thiết bị máy tàu, điện tàu
7	Kiểm tra hàng năm, trung gian hệ thống máy tàu, điện tàu
8	Kiểm tra bất thường (kiểm tra tai nạn, hư hỏng thân tàu, máy tàu,…)

Lưu ý: Nếu đăng kiểm viên đã thực tập nghiệp vụ đối với kiểm tra định kỳ thì không cần phải thực tập nghiệp vụ đối với kiểm tra trên đà, trung gian và hàng năm.

2.2.3 Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp

Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Thực hành có hướng dẫn của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) sản phẩm;

- Thực hành độc lập có sự chứng kiến của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) sản phẩm.

Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp

TT	Hạng mục thực tập
1	Thử và kiểm tra vật liệu (cán, đúc, rèn)
2	Động cơ diesel
3	Tổ máy phát điện
4	Máy lái điện, điện thủy lực, thủy lực

TT	Hạng mục thực tập
5	Thử và kiểm tra nồi hơi
6	Thử và kiểm tra bình chịu áp lực
7	Máy kéo neo, tời
8	Neo, xích neo
9	Chân vịt
10	Dây cáp thép, cáp sợi
11	Thiết bị cứu sinh
12	Thiết bị chữa cháy
13	Thiết bị vô tuyến điện
14	Trục chân vịt
15	Thiết bị nâng (kiểm tra lần đầu, thử tải, hàng năm)
16	Móc kéo
17	Chứng nhận quy trình hàn
18	Chứng nhận thợ hàn
19	Thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra

2.3 Thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

Đăng kiểm viên thực tập phải thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế tại đơn vị đăng kiểm theo nội dung quy định tại Phụ lục này. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm phân công đăng kiểm viên thẩm định thiết kế hướng dẫn đăng kiểm viên thực tập thực hiện đầy đủ nội dung với các loại hình thiết kế của phương tiện thủy nội địa theo các nội dung dưới đây:

- Thực hành có hướng dẫn của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) lần;

- Thực hành độc lập có sự chứng kiến của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) lần.

2.3.1 Thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện

TT	**Hạng mục thực tập** Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT
I	**Phần vỏ tàu**
1	Thẩm định thiết kế đóng mới thân tàu hàng khô vỏ thép
2	Thẩm định thiết kế đóng mới thân tàu hàng khô vỏ gỗ
3	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu vỏ xi măng lưới thép
4	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở người vỏ thép
5	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở người vỏ gỗ
6	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở người vỏ nhôm
7	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở người vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP)
II	**Phần máy tàu**
1	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện tàu của các tàu chở hàng khô, tàu chở người

TT	**Hạng mục thực tập** Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 72:2013/BGTVT, các sửa đổi và các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan
I	**Phần vỏ tàu**
1	Thẩm định thiết kế đóng mới thân tàu hàng khô vỏ thép
2	Thẩm định thiết kế đóng mới thân tàu hàng khô vỏ gỗ
3	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu khách vỏ thép
4	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu khách vỏ nhôm
5	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu lưu trú du lịch ngủ đêm hoặc nhà hàng nổi
6	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu khách vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP)
7	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu dầu loại I, II (*)
8	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu cao tốc
9	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu thể thao, vui chơi giải trí
10	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu vỏ cao su bơm hơi

TT	**Hạng mục thực tập** Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 72:2013/BGTVT, các sửa đổi và các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan
11	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu vỏ xi măng lưới thép
12	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu hai thân, nhiều thân
13	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở khí hóa lỏng
14	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở hàng nguy hiểm
15	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở hóa chất nguy hiểm
16	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu đệm khí
II	**Phần máy tàu**
1	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu hàng khô
2	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu khách
3	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu dầu loại I, II (*)
4	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu công trình (tàu cuốc, tàu hút, tàu cần cẩu,…)
5	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm hoặc nhà hàng nổi hoặc khách sạn nổi
6	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu cao tốc
7	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu thể thao, vui chơi giải trí
8	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu nhiều thân
9	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu chở khí hóa lỏng
10	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu chở hàng nguy hiểm
11	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu chở hóa chất nguy hiểm
12	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu đệm khí
III	**Thẩm định tài liệu hướng dẫn**

Lưu ý:

- (*) Hạng mục đã thực tập với tàu dầu loại I thì không yêu cầu phải thực tập đối với tàu dầu loại II;

- Hạng mục đã thực tập thẩm định thiết kế đóng mới thì không cần thực tập thẩm định thiết kế đối với loại hình thẩm định thiết kế khác.

2.3.2 Thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp

TT	Hạng mục thực tập
1	Máy lái
2	Máy kéo neo, tời
3	Chân vịt
4	Thiết bị nâng có sức nâng trên 01 (một) tấn
5	Móc kéo

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BỔ SUNG

3.1 Tổ chức, thực hiện đào tạo: Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức lớp học, giảng viên của các trường đại học thực hiện.

3.2 Nội dung chương trình đào tạo bổ sung

a) Chương trình 1

Các kiến thức cơ bản về:

- Vẽ tàu;
- Tĩnh học tàu thủy;
- Bố trí chung và kỹ thuật tàu thủy;
- Kết cấu thân tàu thủy;
- Thiết bị tàu thủy;
- Sức bền tàu thủy.

b) Chương trình 2

Các kiến thức cơ bản về:

- Thiết bị động lực tàu thủy (động cơ diesel);
- Máy phụ tàu thủy;
- Hệ thống đường ống;
- Điện tàu thủy;
- Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy.

PHỤ LỤC II
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

GIẤY CHỨNG NHẬN
HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà): .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh:.....

Đơn vị công tác:.....

Đã hoàn chương trình tập huấn: .....

Đơn vị tổ chức: .....

Thời gian:.....

Kết quả:.....

.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên & đóng dấu)

Số:.....

PHỤ LỤC III[2]

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI/CÔNG NHẬN NÂNG HẠNG ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng.... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI/CÔNG NHẬN NÂNG HẠNG ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:.....

1. Đơn vị đăng kiểm:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá để công nhận/công nhận lại/công nhận nâng hạng (*) đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):

Họ và tên: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số CCCD/CMND: .....

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: .....

Hiện đang là đăng kiểm viên (**):..... (đã hoàn thành chương tập huấn Giấy chứng nhận số..... (đăng kiểm viên công nhận lần đầu, nâng hạng)/Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số..... (Đăng kiểm viên công nhận lại, nâng hạng))

5. Hạng đăng kiểm viên đề nghị đánh giá công nhận: .....

Hồ sơ gửi kèm:

Đơn vị đăng kiểm
(Ký tên & đóng dấu)

- (*) gạch bỏ những phần không thích hợp.

- (**) Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng Đăng kiểm viên đang giữ.

---

[2] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

PHỤ LỤC IV[3]
MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I
TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

Họ và tên:.....

Ngày tháng, năm sinh:. ..... .

Số CCCD/CMND: .....

Đơn vị công tác:.....

Chức danh hiện giữ:.....

Trình độ: + Chuyên môn: .....

+ Ngoại ngữ: .....

Đã được đào tạo bổ sung những chuyên ngành khác:

1. Vỏ tàu thủy ☐ 2. Máy, điện tàu thủy ☐ 3. Vô tuyến điện ☐

Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng:..... do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức từ ngày...../.../..... đến ngày...../.../..... tại.....

Kết quả đạt loại .....

[3] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023.

Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh	Chức vụ	Thời gian		Đơn vị công tác
			Từ	Đến	

1. Đào tạo nghiệp vụ

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ --- đến)	Kết quả

2. Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định khen thưởng, kỷ luật

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng..... tôi tự xác định như sau:

Về phẩm chất đạo đức..... Về chuyên môn.....

Về trình độ ngoại ngữ Về trình độ nghiệp vụ Đăng kiểm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận của đơn vị **Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC V
MẪU BÁO CÁO THỰC TẬP CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC TẬP HÀNG NGÀY

Nơi thực tập: .....
Đăng kiểm viên thực tập:.....
Đăng kiểm viên hướng dẫn:.....

Địa điểm và thời gian:.....
Tên tàu: .....
Loại tàu: .....

I. Nội dung thực hiện của Đăng kiểm viên thực tập: *(Bao gồm cả lý thuyết và thực hành)*

1. Hạng mục kiểm tra/nội dung đào tạo:

.....

.....

2. Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(Ghi rõ mục, điều, chương):*

.....

.....

3. Kết quả kiểm tra *(tốt/đạt/chưa đạt - Nêu lý do đưa ra kết quả - cách khắc phục những khiếm khuyết nếu có):*.....

.....

.....

II. Đánh giá của Đăng kiểm viên hướng dẫn:

1. Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(phù hợp/chưa phù hợp)*:

.....

.....

2. Nhận xét thực hành nhiệm vụ của Đăng kiểm viên thực tập *(tốt, đạt, chưa đạt)*:

.....

.....

3. Yêu cầu Đăng kiểm viên thực tập cần thực hiện:

.....

.....

Giám đốc/Phó giám đốc	**Đăng kiểm viên hướng dẫn**	**Đăng kiểm viên thực tập**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP

Họ và tên Đăng kiểm viên thực tập:..... Đơn vị đăng kiểm.....

Họ và tên Đăng kiểm viên hướng dẫn:..... Hạng Đăng kiểm viên.....

Thời gian thực tập từ ngày..... đến ngày..... tại:.....

I. Nội dung và quá trình thực tập

TT	Chủ đề thực tập	Ngày thực hiện	Kết quả
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			
...			

II. Đánh giá chung quá trình thực tập

1. Tự nhận xét của Đăng kiểm viên thực tập:

(Ghi rõ những nội dung đã làm được, những nội dung chưa làm được và kiến nghị)

.....

.....

.....

2. Nhận xét chung của Đăng kiểm viên hướng dẫn:

(về tính mẫn cán, khả năng tiếp thu, kết quả đào tạo thực hành của học viên, những học viên có khả năng làm độc lập và những kiến nghị)

.....

.....

.....

III. Nhận xét của Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn:

(Nhận xét theo khả năng, trình độ của học viên)

.....

.....

	....., ngày..... tháng..... năm.....
Đăng kiểm viên hướng dẫn	**Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn** *(Ký tên & đóng dấu)*

PHỤ LỤC VI
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 1

BIÊN BẢN
KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm.....

Tại: .....

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông .....Chức vụ: .....
- Ông .....Chức vụ: .....

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông..... chuyên môn..... hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng...../Thực tập..... được đơn vị:..... đề nghị công nhận mới ☐, công nhận lại ☐, công nhận nâng hạng ☐ đăng kiểm viên kiểm tra chuyên ngành vỏ tàu/máy tàu

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1.1		☐	☐
1.2		☐	☐
1.3		☐	☐
...	.....	☐	☐
2. Kiểm tra thực tế tàu đóng mới, sửa chữa theo QCVN 25:2010/BGTVT			
2.1	Công tác chuẩn bị Kiểm tra	☐	☐
2.2	Thực hiện Kiểm tra tàu:		
2.2.1	Kiểm tra đóng mới, sửa chữa	☐	☐
2.2.2	Sao thẩm định mẫu:.....	☐	☐
2.3	Lập biên bản kiểm tra.	☐	☐
3. Kiểm tra thực tế tàu đóng mới, sửa chữa theo QCVN 72:2013/BGTVT			
3.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	☐	☐
3.2	Thực hiện kiểm tra:		
3.2.1	Kiểm tra đóng mới, sửa chữa:	☐	☐
3.2.2	Thẩm định thiết kế thi công:	☐	☐
3.2.3	Thẩm định thiết kế hoàn công:.....	☐	☐
3.3	Lập biên bản kiểm tra.	☐	☐
4. Kiểm tra thực tế tàu đang khai thác theo QCVN 25:2010/BGTVT			
4.1	Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra	☐	☐
4.2	Thực hiện kiểm tra:		
4.2.1	Kiểm tra trên đà:.....	☐	☐
4.2.2	Kiểm tra hàng năm:	☐	☐
4.2.3	Kiểm tra bất thường:	☐	☐
4.3	Lập biên bản kiểm tra	☐	☐

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
5. Kiểm tra thực tế tàu đang khai thác theo QCVN 72:2013/BGTVT			
5.1	Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra	☐	☐
5.2	Thực hiện kiểm tra		
5.2.1	Kiểm tra định kỳ:.....	☐	☐
5.2.2	Kiểm tra trên đà:.....	☐	☐
5.2.3	Kiểm tra trung gian:	☐	☐
5.2.4	Kiểm tra hàng năm:	☐	☐
5.2.5	Kiểm tra bất thường:	☐	☐
5.3	Lập biên bản kiểm tra	☐	☐
6. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
6.1	Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	☐	☐
6.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện	☐	☐
6.3	Lập các báo cáo giám sát của đơn vị	☐	☐

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi giờ... ngày..... Biên bản này lập thành 02 bản,... bản lưu tại đơn vị,..... bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM	**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**	**ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA**
(Lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 2

BIÊN BẢN
KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP DÙNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm.....

Tại: .....

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông .....Chức vụ: .....
- Ông .....Chức vụ: .....

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông..... chuyên môn..... hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng...../Thực tập..... được đơn vị:..... đề nghị công nhận kiểm tra sản phẩm công nghiệp lần đầu.....

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		☐	☐
1.2		☐	☐
1.3		☐	☐
...	.....	☐	☐

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
2. Kiểm tra sản phẩm công nghiệp lần đầu			
2.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	☐	☐
2.2	Thực hiện kiểm tra sản phẩm công nghiệp:		
2.2.1	Kiểm tra máy chính, máy phụ	☐	☐
2.2.2	Kiểm tra nồi hơi	☐	☐
2.2.3	Kiểm tra bình chịu áp lực	☐	☐
2.2.4	Kiểm tra chứng nhận quy trình hàn	☐	☐
2.2.5	Kiểm tra thử không phá hủy	☐	☐
2.2.6	Kiểm tra thợ hàn	☐	☐
2.2.7	Kiểm tra thiết bị nâng	☐	☐
2.2.8	Kiểm tra máy neo, lái, tời (điện, diesel, thủy lực)	☐	☐
2.2.9	Kiểm tra neo	☐	☐
2.2.10	Kiểm tra chân vịt	☐	☐
2.2.11	Kiểm tra hệ trục chân vịt	☐	☐
2.2.12	Kiểm tra xích, cáp	☐	☐
2.2.11	Kiểm tra hệ trục chân vịt	☐	☐
2.2.12	Kiểm tra xích, cáp	☐	☐
2.2.13	Kiểm tra vật liệu	☐	☐
2.2.14	Kiểm tra thiết bị cứu sinh	☐	☐
2.2.15	Kiểm tra thiết bị cứu hỏa	☐	☐
2.2.16	Kiểm tra thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm	☐	☐
2.2.17	Kiểm tra công nhận phòng thí nghiệm, trạm thử	☐	☐
2.3	Lập biên bản kiểm tra	☐	☐

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
3. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
3.1	Sử dụng chương trình, quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	☐	☐
3.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho sản phẩm công nghiệp	☐	☐
3.3	Lập các báo cáo	☐	☐

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi giờ... ngày..... Biên bản này lập thành 02 bản,... bản lưu tại đơn vị,..... bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM	NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN	ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA
(Lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 3

BIÊN BẢN
KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm.....

Tại: .....

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông ..... Chức vụ: .....
- Ông ..... Chức vụ: .....

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông..... chuyên môn..... hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng...../Thực tập..... được đơn vị:..... đề nghị công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế theo chuyên môn

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		☐	☐
1.2		☐	☐
1.3		☐	☐
...	.....	☐	☐

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
2. Kiểm tra thẩm định thiết kế phương tiện theo QCVN 25:2010/BGTVT			
2.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	☐	☐
2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
2.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	☐	☐
2.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	☐	☐
2.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	☐	☐
2.2.4	Thẩm định mẫu	☐	☐
2.3	Lập hồ sơ thẩm định	☐	☐
3. Kiểm tra thẩm định thiết kế phương tiện theo QCVN 72:2013/BGTVT			
3.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	☐	☐
3.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
3.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	☐	☐
3.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	☐	☐
3.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	☐	☐
3.2.4	Thẩm định thiết kế sửa đổi	☐	☐
3.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
3.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	☐	☐
3.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	☐	☐
3.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	☐	☐
3.2.4	Thẩm định thiết kế sửa đổi	☐	☐
3.3	Lập hồ sơ thẩm định	☐	☐
4. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
4.1	Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	☐	☐
4.2	Lập hồ sơ thẩm định cho phương tiện	☐	☐
4.3	Lập các báo cáo của đơn vị	☐	☐

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi.... giờ... ngày..... Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị, ... bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM *(Lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu)*	**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN** *(Ký tên và ghi rõ họ tên)*	**ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA** *(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC VII[4]
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Họ và tên: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số CCCD/CMND: .....

Số đăng kiểm viên: .....

Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.....

Được thực hiện công việc nêu trong (các) phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày .....

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

Số Giấy chứng nhận: .....

(*) Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.

---

[4] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Phụ lục
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG…
Số …….

Họ và tên:..... Chuyên ngành:.....

Ngày cấp phụ lục:.....

Chứng nhận rằng đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

II. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành được đào tạo bổ sung (nếu có)

III. Phạm vi kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp (nếu có)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

(*) Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

PHỤ LỤC
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA THỰC HIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Số.....

Họ và tên:..... Chuyên ngành:.....

Ngày cấp phụ lục:.....

Chứng nhận rằng đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình thẩm định thiết kế theo chuyên ngành

II. Phạm vi thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

(*) Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.

Phụ lục VIII[5]
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày ..... tháng .... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:.....

1. Đơn vị đăng kiểm: .....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax: .....
4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):

Họ và tên:.....
Ngày tháng năm sinh: .....
Số CCCD/CMND: .....
Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
Hiện đang là đăng kiểm viên (*): .....
Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số..... cấp ngày..... tháng..... năm .....

5. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên (**): .....

Đơn vị đăng kiểm
(Ký tên & đóng dấu)

(*) Ghi rõ hạng đăng kiểm viên;

(**) Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

---

[5] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.